TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tín

2. Bà Trần Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2021/TLST - DS, ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị L**,** sinh năm 1968; trú tại: Tổ 5, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964 và ông Võ Văn H, sinh năm 1961; cùng trú tại: Tổ 5, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Q, ông H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị L trình bày:*

Bà L là chủ hụi, Bà Q tham gia chơi hụi do Bà L làm chủ thảo như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần, khui ngày 10-6-2016 dương lịch, mãn ngày 10-6-2018, Bà Q tham gia 3 phần đã hốt hết 03 phần trên đóng hụi chết còn nợ lại 10 kỳ, số tiền nợ là 30.000.000 đồng; Dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần, khui ngày 15-7-2018 dương lịch, mãn ngày 15-7-2020, Bà Q tham gia 4 phần (Bà Q 02 phần và chơi dùm cho bà M em ruột Bà Q 02 phần), thực tế thì Bà Q là người tham gia 04 phần hụi trên và là người hốt hết 04 phần hụi này chứ bà Mai không tham gia khui hụi và hốt hụi, Bà Q cũng thừa nhận là tham gia 04 phần và đã hốt hết 04 phần trên đóng hụi chết còn nợ lại 9 kỳ, số tiền là 36.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hụi là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

Ngoài ra Bà L còn cho Bà Q vay số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Do thân quen nên không làm giấy tờ, khi chốt nợ Bà Q tự ghi giấy nợ tổng cộng tiền nợ hụi và nợ vay là 96.000.000 đồng, do Bà Q không rành ghi 9,6 triệu đồng rồi tự bà xoá giao giấy cho Bà L giữ. Khi giữ giấy Bà L cũng không để ý vì Bà Q sống cũng tốt và đàng hoàng, không nghĩ giấy ghi sửa, xóa là không được. Thật sự Bà Q còn nợ Bà L số tiền là 96.000.000 đồng. Bà L cung cấp file ghi âm cuộc gọi giữa Bà L và Bà Q nói chuyện chốt nợ, Bà Q thừa nhận còn nợ tiền hụi và tiền vay là 96 triệu đồng hẹn bán đất trả đủ 01 lần. Do khi vay tiền và chơi hụi ông H chồng Bà Q cũng biết toàn bộ số nợ trên, khi chốt nợ ông H cũng biết và thống nhất số nợ hẹn bán đất trả.

Nay Bà L yêu cầu Bà Q và ông H cùng có trách nhiệm trả số nợ là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng và tính lãi suất cơ bản theo quy định.

** Bị đơn ông Võ Văn H và Bà Nguyễn Thị Q không có lời khai tại tòa:*

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ 2 lần giấy triệu tập cho ông Võ Văn H và Bà Nguyễn Thị Q nhưng ông, bà không đến Tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, Bà Q là phù hợp theo quy định của Pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ

vào Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 2, 5, 6 Nghị Quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩn phán TAND TC; Điều 147; 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi với ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị L số tiền 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng tiền nợ hụi và tiền vay và trả số tiền lãi của số tiền nợ hụi 66.000.000 đồng với mức lãi suất 9%/năm từ ngày chốt nợ 25-12-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, trả tiền lãi của số tiền nợ vay 30.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Các bên đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228, 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn H và Bà Nguyễn Thị Q trả số tiền nợ vay và nợ hụi tổng cộng 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng, trong đó: Tiền hụi gốc 66.000.000 đồng; nợ tiền vay: 30.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của lãi suất cơ bản từ ngày gút nợ đến ngày xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các khoản nợ hụi và nợ vay giữa Bà Trần Thị L và Bà Nguyễn Thị Q được Bà L ghi chép vào sổ, số tiền hụi và nợ vay tổng cộng 96.000.000 đồng được Bà Q tự ghi vào sổ Bà L nhưng số tiền ghi không rõ ràng, không thể hiện số nợ tổng cộng tiền vay và tiền hụi là 96.000.000 đồng hay 9.600.000 đồng nhưng tại đoạn ghi âm nói chuyện điện thoại giữa Bà L và Bà Q thể hiện Bà Q thừa nhận còn nợ Bà L tổng số tiền 96.000.000 đồng hẹn bán đất trả nợ. Tòa án có mời Bà Q, ông H lên Tòa để đối chất số nợ và nội dung trong đoạn ghi âm nói chuyện điện thoại giữa Bà L và Bà Q. Bà Q, ông H biết Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa mời ông, bà lên làm việc nhưng ông, bà không lên. Ông, bà từ chối

không nhận bất kỳ văn bản tố tụng của Tòa, không đến Tòa và không có lời khai là cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông H, Bà Q từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình và tự chịu trách nhiệm.

Đối với yêu cầu của Bà L buộc vợ chồng ông Võ Văn H và Bà Nguyễn Thị Q cùng có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Bà Q vay tiền và tham gia chơi nhiều dây hụi do Bà L làm chủ hụi, đóng hụi thời gian dài. Khi hốt hụi xong, Bà L thường xuyên đến nhà Bà Q gom hụi, đóng hụi. Trong khi ông H và Bà Q là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sống chung nhà, Bà Q vay tiền và hốt hụi cũng là cùng ông H lo cho cuộc sống gia đình nên cần buộc vợ chồng ông H, Bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho Bà L là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà L đối với số tiền nợ hụi và nợ vay của Bà Q và ông H là phù hợp.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của Bà L đối với số tiền nợ hụi và nợ vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên khi gút số tiền nợ hụi và nợ vay trong giấy nợ không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, ngày gút nợ trong giấy nợ là ngày 25-12-2021 đến ngày xét xử là 9 tháng 3 ngày.

Đối với số tiền nợ hụi, do hụi kết thúc vào năm 2018 nên Căn cứ vào Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì Bà Q phải trả cho Bà L các phần hụi chậm trả. Bà L yêu cầu tính lãi suất theo quy định là phù hợp. Do các bên không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ và có chốt nợ vào ngày 25-12-2021 nên lãi phải được tính theo quy định tại Điều 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 lãi được tính 10%/năm, 0,83%/tháng. Đối với số tiền nợ, Bà Q vay nợ vào ngày 30-7-2019 đến ngày 25-12-2021 các bên gút nợ lại lần 2 có nghĩa là Bà L đã yêu cầu Bà Q trả nợ nhưng Bà Q không trả nên mới chốt nợ lần 2. Như vậy Bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày các bên gút nợ lần 2 vào ngày 25-12-2021 nợ được tính theo quy định của tổng số tiền nợ là 96.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 9 tháng 3 ngày thành tiền 7.251.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn) đồng.

Như vậy, Bà Q, ông H phải trả tổng số tiền vốn và lãi cho Bà L tính đến ngày xét xử là 96.000.000 đồng tiền nợ gốc + 7.251.000 đồng tiền lãi thành 103.251.000 (một trăm lẻ ba triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông H được miễn án

phí sơ thẩm theo quy định. Bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩn phán TAND TC; Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản đối với Bà Nguyễn Thị Q và ông Võ Văn H.

Buộc Bà Nguyễn Thị Q và ông Võ Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Trần Thị L tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 103.251.000 (một trăm lẻ ba triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn) đồng. Trong đó: Tiền nợ hụi, nợ vay vốn là 96.000.000 đồng; lãi 7.251.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí: Ông Võ Văn H được miễn án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 5.162.500 đồng (năm triệu một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà L số tiền 2.652.000 (hai triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017588 ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà L được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện C
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

(đã ký)

Cái Thị Minh Tâm